

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số:/2025/TT-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2025

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định Chế độ báo cáo tài chính đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 38/2019/QH15 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 08/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo tài chính đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này quy định về nội dung, phương pháp lập, tổng hợp, trình bày báo cáo tài chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây viết tắt là NHNN), bao gồm:

1. Lập, trình bày, gửi và bảo quản, lưu trữ báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc NHNN;
2. Lập, gửi và bảo quản, lưu trữ báo cáo tài chính của toàn hệ thống NHNN (sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính NHNN).

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh của Thông tư này là các đơn vị thuộc NHNN (không bao gồm các đơn vị trực tiếp nhận, quyết toán kinh phí với Ngân sách Nhà nước).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Báo cáo tài chính NHNN* là các báo cáo tổng hợp và thuyết minh các chỉ tiêu tài chính, tiền tệ chủ yếu của toàn hệ thống NHNN, được lập và trình bày theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành trên cơ sở tổng hợp và hợp nhất báo cáo tài chính từ các đơn vị thuộc NHNN.

2. *Báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc NHNN* là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính NHNN do các đơn vị thuộc NHNN lập và trình bày trên cơ sở tình hình tài chính, tiền tệ tại các đơn vị.

3. *Các đơn vị thuộc NHNN* bao gồm: các đơn vị NHNN và các đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN (sau đây gọi chung là đơn vị báo cáo), cụ thể:

a) *Các đơn vị NHNN* là các đơn vị kế toán phụ thuộc, bao gồm: NHNN Chi nhánh Khu vực; Vụ Tài chính - Kế toán; Sở Giao dịch; Văn phòng; Cục Quản lý ngoại hối; Cục Công nghệ thông tin; Cục Phát hành và Kho quỹ; Chi cục Công nghệ thông tin; Chi cục Phát hành và Kho quỹ; và các đơn vị NHNN có dự án hỗ trợ phát triển chính thức (dự án ODA).

b) *Các đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN* là các đơn vị kế toán độc lập, trực thuộc NHNN, bao gồm: Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam và Thời báo Ngân hàng.

Điều 4. Cơ sở và nguyên tắc chung khi lập báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở số liệu các tài khoản trong và ngoài Bảng cân đối kế toán theo đúng tính chất, nội dung của tài khoản được quy định trong Hệ thống tài khoản kế toán NHNN hiện hành và Hệ thống tài khoản kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp hiện hành.

2. Báo cáo tài chính phải phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan số liệu về các hoạt động của các đơn vị báo cáo. Đối với một số biểu mẫu Báo cáo tài chính có kèm theo các yêu cầu thuyết minh thì phải trình bày rõ ràng, đầy đủ các vấn đề cần thuyết minh.

Điều 5. Hình thức báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được thể hiện dưới hình thức bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử trên phần mềm kế toán NHNN.

Điều 6. Năm tài chính

Năm tài chính của NHNN bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NHNN

Điều 7. Báo cáo tài chính các đơn vị thuộc NHNN

1. Báo cáo tài chính các đơn vị thuộc NHNN bao gồm bốn (04) mẫu biểu và định kỳ lập như sau:

TT	Tên mẫu biểu	Mẫu biểu số	Định kỳ lập
1	Bảng cân đối tài khoản kế toán	B01a/NHNN	Tháng, quý
2	Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm	B01b/NHNN	Năm
3	Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị NHNN	B03/ĐV-NHNN	Quý, năm
4	Thuyết minh tài chính của đơn vị NHNN	B04/ĐV-NHNN	Quý, năm

2. Nội dung, phương pháp lập và trình bày các mẫu biểu Báo cáo tài chính thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Điều 11, Điều 12, Điều 14 và Điều 16 Thông tư này. Trong đó:

- Bảng cân đối tài khoản kế toán, Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm, Thuyết minh tài chính: Lập thành 02 (hai) bản (gửi Vụ Tài chính - Kế toán và lưu tại đơn vị báo cáo) và phải có đầy đủ chữ ký, dấu của đơn vị.

- Báo cáo thu nhập, chi phí: Lập 01 bản lưu tại đơn vị báo cáo và phải có đầy đủ chữ ký, dấu của đơn vị.

Điều 8. Nơi nhận và thời hạn gửi báo cáo tài chính các đơn vị thuộc NHNN

1. Nơi nhận báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc NHNN: Vụ Tài chính - Kế toán.

2. Định kỳ (tháng, quý, năm), các đơn vị thuộc NHNN lập Báo cáo tài chính và gửi về NHNN (Vụ Tài chính - Kế toán) theo quy định như sau:

a) Đối với Báo cáo tài chính tháng: chậm nhất sau năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc tháng.

b) Đối với Báo cáo tài chính quý: chậm nhất sau năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc quý.

c) Đối với Báo cáo tài chính năm: chậm nhất sau mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Nếu ngày cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo là ngày nghỉ lễ, tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày gửi Báo cáo tài chính là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

MỤC II

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NHNN

Điều 9. Báo cáo tài chính của NHNN

1. Báo cáo tài chính của NHNN được lập trên cơ sở tổng hợp và hợp nhất số liệu từ các Báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc NHNN. Hệ thống Báo cáo tài chính của NHNN bao gồm ba (03) mẫu biểu và định kỳ lập như sau:

STT	Tên mẫu biểu	Mẫu biểu số	Định kỳ lập
1	Bảng cân đối kế toán	B02/NHNN	Quý, năm
2	Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động	B03/NHNN	Quý, năm
3	Thuyết minh báo cáo tài chính	B04/NHNN	Quý, năm

2. Ngoài các báo cáo tài chính của NHNN quy định tại Khoản 1 Điều này, NHNN định kỳ lập các mẫu biểu báo cáo như sau:

STT	Tên mẫu biểu	Mẫu biểu số	Định kỳ lập
1	Bảng cân đối tài khoản kế toán	B01a/NHNN	Tháng, quý
2	Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm	B01b/NHNN	Năm

3. Nội dung, phương pháp lập và trình bày các mẫu biểu Báo cáo tài chính thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 15 và Điều 17 Thông tư này. Báo cáo tài chính của NHNN phải có đầy đủ chữ ký, dấu của NHNN.

Điều 10. Nơi nhận và thời hạn gửi Báo cáo tài chính của NHNN

1. Nơi nhận Báo cáo tài chính của NHNN:

TT	Loại báo cáo	Nơi nhận báo cáo						
		Trong ngành					Ngoài ngành	
		Ban Lãnh đạo NHNN	Vụ Tài chính - Kế toán	Thanh tra NHNN	Vụ Chính sách tiền tệ	Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ	Bộ Tài chính	Kiểm toán Nhà nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bảng cân đối tài khoản kế toán	√	√	√	√	√		
2	Bảng cân đối kế toán	√	√	√			√	√
3	Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động	√	√	√			√	√
4	Thuyết minh báo cáo tài chính	√	√	√			√	√

2. Định kỳ gửi Báo cáo tài chính của NHNN:

a) Báo cáo tài chính của NHNN được gửi cho các đơn vị trong ngành theo định kỳ tháng, quý, năm;

b) Báo cáo tài chính của NHNN gửi cho Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước theo định kỳ quý, năm.

3. Thời hạn gửi Báo cáo tài chính của NHNN:

a) Báo cáo tài chính tháng: chậm nhất sau mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc tháng.

b) Báo cáo tài chính quý: chậm nhất sau hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý.

c) Báo cáo tài chính năm: chậm nhất sau bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc năm.

MỤC III PHƯƠNG PHÁP LẬP VÀ TRÌNH BÀY CÁC MẪU BIỂU BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 11. Bảng cân đối tài khoản kế toán

1. Mục đích của báo cáo:

a) Bảng cân đối tài khoản kế toán phản ánh doanh số hoạt động, số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ, lũy kế từ đầu năm của tất cả các tài khoản từ cấp III đến tài khoản cấp I trong một kỳ kế toán (tháng/quý).

b) Bảng cân đối tài khoản kế toán được lập cho cả tài khoản trong và tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán quy định tại Hệ thống tài khoản kế toán NHNN.

2. Cơ sở lập:

- Sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý trước.

3. Phương pháp lập các chỉ tiêu:

Khi lập Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý (mẫu biểu B01a/NHNN) tại Phụ lục số 01 cần thực hiện các quy định sau:

- Những tài khoản cấp III có 2 số dư thì trên Bảng cân đối tài khoản kế toán phải để nguyên 2 số dư, không được bù trừ lẫn nhau.

- Tổng dư Nợ đầu kỳ phải bằng tổng dư Có đầu kỳ; Tổng phát sinh Nợ trong kỳ phải bằng tổng phát sinh Có trong kỳ; Tổng phát sinh Nợ lũy kế từ đầu năm phải bằng tổng số phát sinh Có lũy kế từ đầu năm; Tổng dư Nợ cuối kỳ phải bằng tổng dư Có cuối kỳ.

- Số dư Nợ, số dư Có đầu kỳ này phải bằng số dư Nợ, số dư Có cuối kỳ trước.

Điều 12. Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm

1. Mục đích của báo cáo:

a) Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm phản ánh doanh số hoạt động, số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ của tất cả các tài khoản từ cấp III đến tài khoản cấp I trong một kỳ kế toán (năm).

b) Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm được lập cho cả tài khoản trong và tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán quy định tại Hệ thống tài khoản kế toán NHNN.

2. Cơ sở lập:

- Sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm trước.

3. Phương pháp lập các chỉ tiêu:

Khi lập Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm (mẫu biểu B01b/NHNN) tại Phụ lục số 01 cần thực hiện theo quy định sau:

- Những tài khoản cấp III có 2 số dư thì trên bảng cân đối tài khoản kế toán phải để nguyên 2 số dư, không được bù trừ lẫn nhau.
- Phần “Doanh số quyết toán năm” phản ánh tất cả các tài khoản thu nhập, chi phí đã phát sinh trong năm tài chính và việc thực hiện chuyển tiêu các tài khoản này vào tài khoản chênh lệch thu chi cuối năm tài chính.
- Tổng doanh số quyết toán phần “Doanh số quyết toán năm” phải bằng doanh số chuyển tiêu ở các tài khoản “Thu nhập”, “Chi phí” và “Chênh lệch thu chi” cộng lại.

Điều 13. Bảng cân đối kế toán

1. Mục đích của báo cáo:

Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó tại một thời điểm nhất định.

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của toàn hệ thống NHNN theo cơ cấu của tài sản, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của toàn hệ thống NHNN.

2. Cơ sở lập:

- Sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Bảng cân đối tài khoản kế toán quý trước và quý này;
- Bảng cân đối kế toán quý/năm trước.

3. Phương pháp lập các chỉ tiêu:

Bảng cân đối kế toán được lập theo mẫu biểu B02/NHNN tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị thuộc NHNN

1. Mục đích của báo cáo:

Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị NHNN là bản báo cáo tổng hợp, phản ánh khái quát tình hình thu nhập và chi phí trong kỳ kế toán quý/năm tại đơn vị NHNN. Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị đồng thời là cơ sở để kiểm tra, theo dõi tình hình thu, chi tài chính của đơn vị báo cáo.

2. Cơ sở lập:

- Sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị NHNN quý trước của năm tài chính;
- Bảng cân đối tài khoản kế toán quý này.

3. Phương pháp lập các chỉ tiêu:

- Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị NHNN được lập theo mẫu biểu B03/ĐV-NHNN tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.
- Số liệu lập Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị NHNN là số liệu trên các tài khoản thuộc loại 7 “Thu nhập” và các tài khoản thuộc loại 8 “Chi phí” tại đơn vị NHNN.

Điều 15. Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động của NHNN

1. Mục đích của báo cáo:

Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động của NHNN là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả hoạt động trong một kỳ kế toán quý/năm của toàn hệ thống NHNN, là cơ sở để kiểm tra, theo dõi tình hình thu, chi tài chính của NHNN.

2. Cơ sở lập:

- Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động của NHNN quý/năm trước;
- Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý trước, bảng cân đối tài khoản kế toán và doanh số quyết toán năm trước;
- Số liệu trên các tài khoản thuộc loại 7 “Thu nhập” và các tài khoản thuộc loại 8 “Chi phí” trên bảng cân đối tài khoản kế toán đến thời điểm lập báo cáo của toàn hệ thống NHNN.

3. Phương pháp lập các chỉ tiêu:

Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động của NHNN được lập theo mẫu biểu B03/NHNN tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Thuyết minh tài chính của đơn vị thuộc NHNN

1. Mục đích của báo cáo:

Thuyết minh tài chính của đơn vị NHNN là bản báo cáo giải trình một số nội dung trong các báo cáo gửi NHNN (Vụ Tài chính - Kế toán), theo đó, bản thuyết minh làm rõ một số chỉ tiêu về tài sản và tình hình thu nhập, chi phí tại đơn vị NHNN.

2. Cơ sở lập:

- Sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Bảng cân đối tài khoản kế toán quý và Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm;
- Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị thuộc NHNN kỳ trước; Thuyết minh tài chính của đơn vị thuộc NHNN kỳ trước;
- Tình hình thực tế của các đơn vị và các tài liệu liên quan khác.

3. Phương pháp lập các chỉ tiêu:

- Việc lập các chỉ tiêu trong Thuyết minh tài chính của đơn vị NHNN được thực hiện theo các chỉ tiêu quy định sẵn tại mẫu biểu B04/ĐV-NHNN tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.
- Các đơn vị báo cáo không được cắt bỏ hoặc thêm bớt các chỉ tiêu đã quy định sẵn trong mẫu biểu.

Điều 17. Thuyết minh báo cáo tài chính của NHNN

1. Mục đích của báo cáo:

Thuyết minh báo cáo tài chính của NHNN là một bộ phận hợp thành không tách rời trong Báo cáo tài chính của NHNN, dùng để đưa ra các thông tin về cơ sở lập, trình bày báo cáo tài chính, chính sách kế toán áp dụng và cung cấp các thông tin bổ sung hoặc mô tả cụ thể, phân tích chi tiết các thông tin số liệu đã được trình bày trong Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động.

2. Cơ sở lập:

- Sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Bảng cân đối tài khoản kế toán quý; Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm;
- Bảng cân đối kế toán; Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động; Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ trước;
- Tình hình thực tế của các đơn vị và các tài liệu liên quan khác.

3. Phương pháp lập các chỉ tiêu:

- Việc lập các chỉ tiêu trong Thuyết minh báo cáo tài chính của NHNN được thực hiện theo các chỉ tiêu quy định sẵn trong mẫu biểu B04/NHNN tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.
- Đối với báo cáo không được cắt bỏ hoặc thêm bớt các chỉ tiêu đã quy định sẵn trong mẫu biểu.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NHNN

Điều 18. Trách nhiệm của Vụ Tài chính - Kế toán

1. Hướng dẫn triển khai Thông tư này tại các đơn vị thuộc NHNN.
2. Nhận Báo cáo tài chính định kỳ của các đơn vị báo cáo dưới hình thức bằng văn bản gửi về Vụ Tài chính- Kế toán theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư này.
3. Kiểm tra, rà soát phát hiện dấu hiệu nghi vấn về số liệu, tính chất số dư tài khoản trên báo cáo tài chính định kỳ của đơn vị báo cáo. Trường hợp có sai sót, Vụ Tài chính - Kế toán yêu cầu đơn vị báo cáo có sai sót thực hiện xử lý sai sót trên các phân hệ nghiệp vụ, phần mềm theo quy định của pháp luật về điều chỉnh sai sót, lập và gửi Báo cáo tài chính sau điều chỉnh sai sót.
4. In, kiểm soát và gửi Báo cáo tài chính của NHNN cho các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.
5. Bảo quản, lưu trữ, và cung cấp thông tin Báo cáo tài chính của đơn vị báo cáo và của toàn hệ thống NHNN theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin

1. Hướng dẫn các đơn vị báo cáo sử dụng hệ thống phần mềm kế toán của NHNN để lập, kiểm soát và khai thác thông tin Báo cáo tài chính theo đúng quy định.
2. Đảm bảo hệ thống phần mềm kế toán hoạt động thông suốt, kịp thời, chính xác, an toàn và bảo mật; chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý các sự cố về kỹ thuật.
3. Cung cấp phần mềm hỗ trợ công tác tổng hợp số liệu của các đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN để lập Báo cáo tài chính toàn hệ thống NHNN.

Điều 20. Trách nhiệm của Thanh tra NHNN

Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ Báo cáo tài chính theo Thông tư này.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị lập, gửi báo cáo tài chính

Thủ trưởng các đơn vị báo cáo chịu trách nhiệm tổ chức lập và trình bày Báo cáo tài chính theo đúng quy định của NHNN, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và trung thực về các thông tin trong Báo cáo tài chính đơn vị mình, cụ thể như sau:

1. Lập và gửi đầy đủ, kịp thời Báo cáo tài chính theo đúng quy định của Thông tư này.
2. Khi có sai sót hoặc sự cố về kỹ thuật, đơn vị báo cáo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Tài chính - Kế toán, Cục Công nghệ thông tin để thực hiện xử lý kịp thời trên các phân hệ nghiệp vụ, phần mềm theo quy định tại Thông tư này.

Việc điều chỉnh sai sót theo quy định này chỉ được thực hiện trước thời hạn gửi Báo cáo tài chính của NHNN cho các cơ quan ngoài ngành quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư này. Các trường hợp sai sót sau thời điểm này phải được giải trình chi tiết bằng văn bản và thực hiện điều chỉnh theo quy định hiện hành về điều chỉnh sai sót kế toán.

3. Các đơn vị NHNN có dự án ODA và các đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN thực hiện lập, trình bày Báo cáo tài chính theo chế độ kế toán hành chính, sự

nghiệp hiện hành phải chuyển đổi các chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn của NHNN để thực hiện tổng hợp và hợp nhất vào Báo cáo tài chính của NHNN.

4. Bảo quản, lưu trữ, và cung cấp thông tin Báo cáo tài chính của đơn vị báo cáo theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ do Thống đốc NHNN quy định, các Vụ, Cục và các đơn vị có liên quan thuộc NHNN đăng ký với Cục Công nghệ thông tin và Vụ Tài chính - Kế toán để được khai thác báo cáo tài chính theo nhu cầu cụ thể và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo mật trong nội bộ đơn vị mình.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ Quyết định số 23/2008/QĐ-NHNN ngày 8/8/2008 của Thống đốc NHNN ban hành Chế độ báo cáo tài chính của NHNN và Điều 11 Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc triển khai nhiệm vụ quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị hạch toán kế toán phụ thuộc, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 24;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC, TCKT.

THỐNG ĐỐC

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
*(Ban hành kèm theo Thông tư số/TT-NHNN ngày/.../2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

TT	Tên báo cáo	Mẫu số
1	Bảng cân đối tài khoản kế toán	B01a/NHNN
2	Bảng cân đối tài khoản kế toán và Doanh số quyết toán năm	B01b/NHNN
3	Bảng cân đối kế toán	B02/NHNN
4	Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị NHNN	B03/ĐV-NHNN
5	Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động	B03/NHNN
6	Thuyết minh tài chính của đơn vị NHNN	B04/ĐV-NHNN
7	Thuyết minh báo cáo tài chính	B04/NHNN

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Mẫu số: B01a/NHNN
(Ban hành theo Thông tư số/TT-NHNN
ngày .../.../2025 của Thống đốc NHNN)

Đơn vị:.....⁽¹⁾

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

Tháng/Quý năm

A- CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính:

Tên tài khoản	Số hiệu TK	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH				SỐ DƯ CUỐI KỲ	
				Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm			
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng									

B- CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính:

Tên tài khoản	Số hiệu TK	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH				SỐ DƯ CUỐI KỲ	
				Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm			
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng									

LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày.... tháng... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Áp dụng đối với các đơn vị NHNN lập báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư này (bao gồm cả trường hợp Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo tài chính cho toàn hệ thống NHNN).

- Số liệu cột (3), cột (4) “Số dư đầu kỳ” của Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý này là số liệu cột (9), cột (10) “Số dư cuối kỳ” của Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý trước.

- Số liệu cột (7), cột (8) “Lũy kế từ đầu năm” được tính cho từng năm tài chính như sau:

+ Cột (7) của Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý này = Cột (7) của Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý trước + Cột (5) của Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý này.

+ Cột (8) của Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý này = Cột (8) của Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý trước + Cột (6) của Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng/quý này.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Mẫu số: B01b/NHNN
(Ban hành theo Thông tư số/TT-NHNN
ngày .../.../2025 của Thống đốc NHNN)

Đơn vị:.....⁽¹⁾

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN KẾ TOÁN
VÀ DOANH SỐ QUYẾT TOÁN NĂM**

Năm:

A- CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính:

Tên tài khoản	Số hiệu TK	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

B- CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính:

Tên tài khoản	Số hiệu TK	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

C- BẢNG DOANH SỐ QUYẾT TOÁN NĂM

Đơn vị tính:

Tên tài khoản	Số hiệu TK	Doanh số quyết toán	
		Nợ	Có
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Áp dụng đối với các đơn vị NHNN lập báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư này (bao gồm cả trường hợp Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo tài chính cho toàn hệ thống NHNN).

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Mẫu số: B02/NHNN
(Ban hành theo Thông tư số/TT-NHNN
ngày .../.../2025 của Thống đốc NHNN)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ⁽¹⁾

Quý/Năm:

Đơn vị tính:

TT	Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ này	Số dư cuối kỳ trước
	(1)	(2)	(3)	(4)
TÀI SẢN CÓ				
I	Tiền mặt, vàng bạc và đá quý			
1	Tiền mặt bằng đồng Việt Nam ⁽²⁾			
2	Ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý và đá quý	IV.1		
II	Tiền gửi, cho vay và đầu tư ở nước ngoài	IV.2		
1	Tiền gửi, cho vay và thanh toán với pháp nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế			
2	Đầu tư, ủy thác và quyền đòi nợ nước ngoài			
-	Đầu tư vào chứng khoán ở nước ngoài			
-	Ủy thác			
-	Góp vốn vào các tổ chức quốc tế			
-	Dự phòng rủi ro vàng, tiền gửi, đầu tư chứng khoán ở nước ngoài và cho vay trên thị trường quốc tế (*)			
III	Hoạt động đầu tư và tín dụng trong nước	IV.3		
1	Nghịệp vụ thị trường mở			
-	Mua bán giấy tờ có giá trong nghịệp vụ thị trường mở			
-	Dự phòng rủi ro từ hoạt động nghịệp vụ thị trường mở (*)			
2	Nghịệp vụ mua trực tiếp chứng khoán Chính phủ			
3	Thanh toán với Nhà nước và Ngân sách Nhà nước			
4	Tái cấp vốn cho tổ chức tín dụng trong nước			
IV	Tài sản cố định			
1	Tài sản cố định hữu hình	IV.4		
-	Nguyên giá TSCĐ			
-	Hao mòn TSCĐ hữu hình (*)			
2	Tài sản cố định vô hình	IV.5		
-	Nguyên giá TSCĐ			
-	Hao mòn TSCĐ vô hình (*)			
V	Tài sản Có khác	IV.6		
1	XDCB, mua sắm TSCĐ, công cụ dụng cụ và vật liệu			
2	Các khoản phải thu bên ngoài			

3	Các khoản phải thu nội bộ			
4	Các khoản phải thu khác			
Tổng tài sản Có				
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I	Tiền mặt ngoài lưu thông	IV.7		
II	Tiền gửi của KBNN và vốn tài trợ, ủy thác nhận của Chính phủ	IV.8		
III	Các khoản nợ nước ngoài	IV.9		
IV	Các cam kết trả nợ của NHNN	IV.10		
V	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam	IV.11		
VI	Tài sản Nợ khác	IV.12		
1	Các khoản phải trả bên ngoài			
2	Các khoản phải trả nội bộ			
3	Các khoản phải trả khác			
Tổng Nợ phải trả				
IV	Vốn và Quỹ của Ngân hàng			
1	Vốn của Ngân hàng			
-	Vốn pháp định			
-	Vốn đầu tư XD CB và mua sắm TSCĐ			
-	Vốn do đánh giá lại tài sản			
-	Vốn khác			
2	Các quỹ và dự phòng			
-	Quỹ thực hiện Chính sách tiền tệ Quốc gia			
-	Khoản dự phòng rủi ro			
-	Quỹ dự phòng tài chính			
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và dự phòng ổn định thu nhập			
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
4	Chênh lệch thu nhập và chi phí			
Tổng Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				

MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Cam kết bảo lãnh cho tổ chức tín dụng vay vốn nước ngoài			
2	Cam kết giao dịch ngoại hối	IV.13.1		
3	Cam kết giao dịch mua bán chứng khoán	IV.13.2		
4	Cam kết góp vốn vào các tổ chức quốc tế	IV.13.3		

	bảng hồi phiếu nhận nợ/Giấy cam kết thanh toán của Bộ Tài chính			
5	Cam kết bảo lãnh nhận được từ khách hàng			
6	Cam kết đầu thầu tín phiếu Kho bạc Nhà nước			
7	Cam kết từ hoạt động tín dụng			
8	Cam kết khác			

LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Báo cáo này do Vụ Tài chính - Kế toán lập cho toàn hệ thống NHNN theo quy định tại Thông tư này.

⁽²⁾ Tiền mặt bằng VNĐ được hiểu là lượng tiền VNĐ tại một số đơn vị thuộc NHNN như Văn phòng, v.v... (không bao gồm số tiền thuộc Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành).

^(*) Số liệu các chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (xxx).

- Cột (2) “Thuyết minh” của Bảng cân đối kế toán được thể hiện mục tham chiếu số liệu chi tiết của từng chỉ tiêu trong Thuyết minh báo cáo tài chính quý/năm.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Mẫu số: B03/ĐV-NHNN
(Ban hành theo Thông tư số/TT-NHNN
ngày .../.../2025 của Thống đốc NHNN)

Đơn vị:⁽¹⁾

**BÁO CÁO THU NHẬP, CHI PHÍ
CỦA ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Quý/Năm

Đơn vị tính:

Số hiệu tài khoản	Các chỉ tiêu	Thực hiện kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này
(1)	(2)	(3)	(4)
	A- Phần thu		
			
	B- Phần chi		
			
	C- Chênh lệch		
	+ Thu > Chi		
	+ Chi > Thu		

LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Áp dụng đối với các đơn vị thuộc NHNN (ngoại trừ Vụ Tài chính - Kế toán, đơn vị NHNN có dự án ODA) lập báo cáo tài chính theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

- Số liệu cột (4) "Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này" của báo cáo quý = Cột (4) của báo cáo quý trước + Cột (3) của báo cáo quý này.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Mẫu số: B03/NHNN
(Ban hành theo Thông tư số/TT-NHNN
ngày .../.../2025 của Thống đốc NHNN)

BÁO CÁO THU NHẬP, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ⁽¹⁾

Quý/Năm.....

Đơn vị tính:

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
	(1)	(2)	(3)	(4)
I	Thu nhập thuần từ lãi và các khoản tương tự			
1	Thu lãi và các khoản tương tự	V.1.1		
2	Chi phí lãi và các khoản tương tự	V.2.1		
II	Thu nhập thuần về nghiệp vụ mua bán giấy tờ có giá			
1	Thu về nghiệp vụ mua bán giấy tờ có giá	V.1.2		
2	Chi phí về nghiệp vụ mua bán giấy tờ có giá	V.2.2		
III	Thu nhập thuần về hoạt động ngoại hối			
1	Thu về hoạt động ngoại hối	V.1.3		
2	Chi về hoạt động ngoại hối	V.2.3		
IV	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ			
1	Thu phí dịch vụ	V.1.4		
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	V.2.4		
V	Chênh lệch thu, chi từ các đơn vị sự nghiệp			
VI	Thu nhập khác	V.1.5		
VII	Chi phí hoạt động và các khoản chi khác	V.2.5		
VIII	Chênh lệch thu nhập, chi phí trước Dự phòng			
IX	Chi dự phòng rủi ro tổn thất			
X	Tổng chênh lệch thu nhập, chi phí sau Dự phòng			
XI	Trích lập các Quỹ theo quy định			
XII	Tổng số phải nộp NSNN quý này/năm nay			
XIII	Số đã tạm ứng nộp NSNN trong quý/năm			
XIX	Số còn phải nộp NSNN đến ngày lập BCTC			

LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Báo cáo này do Vụ Tài chính - Kế toán lập cho toàn hệ thống NHNN theo quy định tại Thông tư này.

- Cột (2) "Thuyết minh" của Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động của NHNN thể hiện mục tham chiếu số liệu chi tiết của từng chỉ tiêu trong Thuyết minh báo cáo tài chính quý/năm.

- Số liệu ghi ở Cột (4) "Kỳ trước" của báo cáo quý/năm này chính là số liệu ghi ở Cột (3) "Kỳ này" của từng chỉ tiêu báo cáo quý/năm trước.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Mẫu số: B04/ĐV-NHNN
(Ban hành theo Thông tư số/TT-NHNN
ngày .../.../2025 của Thống đốc NHNN)

Đơn vị:.....⁽¹⁾

**THUYẾT MINH TÀI CHÍNH
CỦA ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Quý/Năm.....

I. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TSCĐ HỮU HÌNH:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ						
2. Số tăng trong kỳ						
3. Số giảm trong kỳ						
4. Số dư cuối kỳ						
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ						
2. Số tăng trong kỳ						
3. Số giảm trong kỳ						
4. Số dư cuối kỳ						
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ						
2. Tại ngày cuối kỳ						

Lý do tăng, giảm: ...

II. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TSCĐ VÔ HÌNH:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ				
1. Số dư đầu kỳ				
2. Số tăng trong kỳ				
3. Số giảm trong kỳ				
4. Số dư cuối kỳ				
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu kỳ				
2. Số tăng trong kỳ				
3. Số giảm trong kỳ				
4. Số dư cuối kỳ				
III. Giá trị còn lại				

1. Tại ngày đầu kỳ				
2. Tại ngày cuối kỳ				

Lý do tăng, giảm:...

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO THU NHẬP, CHI PHÍ CỦA ĐƠN VỊ NHNN

1. Về phần thu nhập

Tổng thu thực hiện: ... triệu đồng, bao gồm:

1.1. Thu lãi và các khoản tương tự

- Thu lãi cho vay
- Thu lãi tiền gửi
- Thu về đầu tư chứng khoán
- Thu khác về hoạt động tín dụng

1.2. Thu về nghiệp vụ mua bán giấy tờ có giá

1.3. Thu về hoạt động ngoại hối

1.4. Thu phí dịch vụ

1.5. Thu nhập khác

Tổng

Lý do tăng, giảm chủ yếu của từng khoản thu phát sinh kỳ này.

Kỳ này	Kỳ trước
--------	----------

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

2. Về phần chi phí

Tổng chi thực hiện: ... triệu đồng.

Lý do tăng, giảm chủ yếu của từng khoản chi phát sinh kỳ này.

2.1. Chi phí lãi và các khoản tương tự

- Chi về nghiệp vụ tiền gửi, tiền vay tổ chức tín dụng trong nước
- + Chi trả lãi tiền gửi
- + Chi trả lãi tín phiếu NHNN phát hành
- + Chi khác
- Chi về nghiệp vụ tiền gửi, tiền vay của ngân hàng nước ngoài, tổ chức tiền tệ, ngân hàng quốc tế
- + Chi trả lãi tiền gửi
- + Chi trả lãi tiền vay
- + Chi khác

Tổng

2.2. Chi phí về nghiệp vụ mua bán giấy tờ có giá

Chi về mua bán giấy tờ có giá

Chi khác

Tổng

2.3. Chi về hoạt động ngoại hối

Chi về mua bán vàng

Chi về mua bán ngoại tệ

Kỳ này	Kỳ trước
--------	----------

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

Kỳ này	Kỳ trước
--------	----------

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

Kỳ này	Kỳ trước
--------	----------

...	...
-----	-----

...	...
-----	-----

Chi khác về giao dịch ngoại hối

... ..

Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ

... ..

Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác

... ..

Tổng

... ..

2.4. Chi phí hoạt động dịch vụ

Kỳ này Kỳ trước

- Chi cho các hoạt động phòng, chống rửa tiền

... ..

- Chi về dịch vụ thanh toán, thông tin

... ..

- Chi hoạt động nghiệp vụ khác

... ..

Tổng

... ..

2.5. Chi phí hoạt động và các khoản chi khác

2.5.1. Chi phí in, đúc, bảo quản, bảo vệ, vận chuyển, giao nhận, phát hành, thu hồi, thay thế và tiêu hủy tiền, giấy tờ có giá

Kỳ này Kỳ trước

- Chi phí in, đúc tiền, giấy tờ có giá

... ..

- Chi phí tuyển chọn, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy tiền, giấy tờ có giá

... ..

Tổng

... ..

Tổng chi phí in, đúc, bảo quản, bảo vệ, vận chuyển, giao nhận, phát hành, thu hồi, thay thế và tiêu hủy tiền, giấy tờ có giá: ... triệu đồng.

2.5.2. Chi cho cán bộ, công chức và nhân viên

Kỳ này Kỳ trước

Chi lương và phụ cấp

... ..

Chi ăn trưa

... ..

Chi trang phục giao dịch và bảo hộ lao động

... ..

Chi khen thưởng, phúc lợi

... ..

Các khoản chi để đóng góp theo lương

... ..

Chi khác

... ..

Tổng

... ..

Tổng chi cho cán bộ, công chức và nhân viên: ... triệu đồng.

2.5.3. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ

Kỳ này Kỳ trước

Chi về vật liệu và giấy tờ in

... ..

Chi công tác phí

... ..

Chi về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ

... ..

Chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ

... ..

Chi bưu phí và điện thoại

... ..

Chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo

... ..

Chi lễ tân, khánh tiết

... ..

Chi về điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan

... ..

Chi khác

... ..

Tổng

Tổng chi cho hoạt động quản lý và công vụ: ... triệu đồng.

2.5.4. Chi về tài sản

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	...	...
Chi bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	...	...
Chi về thanh lý tài sản	...	...
Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ	...	...
Chi đầu tư phát triển kỹ thuật nghiệp vụ và công nghệ ngân hàng	...	...
Chi thuê tài sản	...	...
Tổng	...	...

Tổng chi về tài sản: ... triệu đồng.

2.5.5. Các khoản chi hoạt động khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi về nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	...	...
Chi về nghiệp vụ góp vốn, ủy thác	...	...
Chi trích lập khoản dự phòng rủi ro	...	...
Thoái thu lãi phải thu không đúng niên độ	...	...
Các khoản chi khác	...	...
Tổng	...	...

Tổng các khoản chi hoạt động khác: triệu đồng.

3. Chênh lệch thu chi: triệu đồng.**IV. Giải thích và thuyết minh một số tình hình và kết quả hoạt động khác (nếu có).****V. Các kiến nghị của đơn vị:**

LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Áp dụng đối với các đơn vị thuộc NHNN (ngoại trừ Vụ Tài chính - Kế toán, đơn vị NHNN có dự án ODA) lập báo cáo tài chính theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Mẫu số: B04/NHNN
(Ban hành theo Thông tư số/TT-NHNN
ngày .../.../2025 của Thống đốc NHNN)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ⁽¹⁾

Quý/Năm.....

I. Tổng quan về Ngân hàng Nhà nước

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2. Trụ sở chính: Tổng số NHNN Chi nhánh Khu vực, các đơn vị sự nghiệp:
3. Tổng số cán bộ, công nhân viên:

II. Cơ chế tài chính đối với Ngân hàng Nhà nước

1. Các khoản thu nhập
2. Các khoản chi phí
3. Cơ chế trích lập, sử dụng, hoàn nhập khoản dự phòng rủi ro; cơ chế trích lập và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia và Quỹ dự phòng tài chính
4. Kế hoạch thu nhập và chi phí
5. Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

III. Các chính sách kế toán chủ yếu

1. Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng Nhà nước
2. Nguyên tắc kế toán
3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
4. Năm tài chính: Bắt đầu từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....
5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
6. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập bằng ngoại tệ
7. Nghiệp vụ thị trường mở
8. Hối phiếu và trái phiếu Chính phủ
9. Kế toán dự trữ ngoại hối
10. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước
11. Kế toán các khoản nghĩa vụ đối với cán bộ công chức, viên chức
12. Kế toán tài sản cố định
13. Vốn của Ngân hàng
14. Các vấn đề khác

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý và đá quý

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt ngoại tệ	...	...
Chứng từ có giá trị ngoại tệ	...	...
Vàng	...	...
Kim loại quý, đá quý	...	...
Tổng	...	...

2. Tiền gửi, cho vay và đầu tư ở nước ngoài

- Tiền gửi, cho vay và thanh toán với pháp nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi tại ngân hàng nước ngoài, ngân hàng quốc tế, tổ chức tiền tệ	...	...
- Tài sản quyền rút vốn đặc biệt tại IMF	...	...
- Tiền gửi tại ngân hàng nước ngoài, ngân hàng quốc tế, tổ chức tiền tệ khác	...	...
+ Tiền gửi ngoại tệ không kỳ hạn	...	...
+ Tiền gửi ngoại tệ có kỳ hạn	...	...
+ Tiền gửi khác	...	...
Tổng	...	...
Cho vay trên thị trường quốc tế	...	...
- Cho vay qua đêm	...	...
- Cho vay ngắn hạn	...	...
- Cho vay trung và dài hạn	...	...
Tổng	...	...
Thanh toán với pháp nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế	...	...
Tổng tiền gửi, cho vay và thanh toán với pháp nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế	...	...
- Đầu tư, ủy thác và các quyền đòi nợ nước ngoài		
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Đầu tư vào các chứng khoán ở nước ngoài	...	...
- Chứng khoán kinh doanh	...	...
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	...	...
- Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	...	...
Ủy thác	...	...
Trong đó: Ủy thác đầu tư	...	...
Góp vốn vào các tổ chức quốc tế	...	...
- Việt Nam Đồng	...	...
- Ngoại tệ	...	...
Dự phòng rủi ro vàng, tiền gửi, đầu tư chứng khoán ở nước ngoài và cho vay trên thị trường quốc tế	(...)	(...)
Tổng	...	...
3. Hoạt động đầu tư và tín dụng trong nước		
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
3.1. Nghiệp vụ thị trường mở	...	...
- Mua bán giấy tờ có giá trong nghiệp vụ thị trường mở	...	...
+ Mua bán giấy tờ có giá của Chính phủ	...	...
+ Mua bán lại giấy tờ có giá của NHNN	...	...
+ Mua bán giấy tờ có giá khác	...	...
- Dự phòng rủi ro từ hoạt động nghiệp vụ thị trường mở	(...)	(...)
3.2. Mua trực tiếp chứng khoán Chính phủ	...	...
3.3. Thanh toán với Nhà nước và Ngân sách Nhà nước	...	...
- Thanh toán với Nhà nước và Ngân sách Nhà nước	...	...

- Thanh toán dự trữ ngoại hối Nhà nước

... ..

3.4. Tái cấp vốn cho tổ chức tín dụng trong nước

... ..

- Cho vay qua đêm

... ..

- Cho vay có đảm bảo bằng cầm cố giấy tờ có giá

... ..

- Chiết khấu giấy tờ có giá

... ..

- Cho vay lại theo hồ sơ tín dụng

... ..

- Cho vay đặc biệt

... ..

- Cho vay theo mục tiêu chỉ định của Chính phủ

... ..

- Cho vay khác

... ..

- Dự phòng rủi ro tái cấp vốn cho tổ chức tín dụng trong nước

(...) (...) ..

Tổng hoạt động đầu tư và tín dụng trong nước

... ..

4. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ						
2. Số tăng trong kỳ						
3. Số giảm trong kỳ						
4. Số dư cuối kỳ						
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ						
2. Số tăng trong kỳ						
3. Số giảm trong kỳ						
4. Số dư cuối kỳ						
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ						
2. Tại ngày cuối kỳ						

Lý do tăng, giảm:.....

5. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ				
1. Số dư đầu kỳ				
2. Số tăng trong kỳ				
3. Số giảm trong kỳ				
4. Số dư cuối kỳ				
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu kỳ				
2. Số tăng trong kỳ				

3. Số giảm trong kỳ				
4. Số dư cuối kỳ				
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ				
2. Tại ngày cuối kỳ				

Lý do tăng, giảm:.....

6. Tài sản Có khác

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- XDCB, mua sắm TSCĐ, công cụ dụng cụ và vật liệu	...	...
+ <i>Xây dựng cơ bản</i>	...	...
+ <i>Mua sắm TSCĐ</i>	...	...
+ <i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	...	...
+ <i>Công cụ dụng cụ</i>	...	...
+ <i>Vật liệu</i>	...	...
+ <i>Tài sản khác</i>	...	...
- Các khoản phải thu bên ngoài	...	...
- Các khoản phải thu nội bộ	...	...
- Các khoản phải thu khác	...	...
+ <i>Tiền lãi cộng dồn phải thu</i>	...	...
+ <i>Giao dịch phải sinh</i>	...	...
+ <i>Các khoản khác</i>	...	...
+ <i>Dự phòng rủi ro khác và dự phòng các khoản phải thu</i>	(...)	(...)
Tổng	...	...

7. Tiền mặt ngoài lưu thông

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
7.1. Tiền để phát hành	...	
+ <i>Tiền giấy</i>	...	...
+ <i>Tiền polymer</i>	...	...
+ <i>Tiền kim loại</i>	...	...
7.2. Quỹ dự trữ phát hành	...	...
+ <i>Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông</i>	...	...
+ <i>Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông</i>	...	...
+ <i>Tiền đình chỉ lưu hành</i>	...	...
+ <i>Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ dự trữ phát hành</i>	...	...
+ <i>Quỹ dự trữ phát hành đang vận chuyển</i>	...	...
7.3. Quỹ nghiệp vụ phát hành	...	...
+ <i>Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông</i>	...	...
+ <i>Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông</i>	...	...
+ <i>Tiền đình chỉ lưu hành</i>	...	...
+ <i>Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành</i>	...	...

+ Quỹ nghiệp vụ phát hành đang vận chuyển

...	...
-----	-----

7.4. Tiền mặt ngoài lưu thông [= 7.1 – 7.2 – 7.3]

...	...
-----	-----

8. Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước và vốn tài trợ, ủy thác nhận của Chính phủ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	...	...
+ Bảng VND	...	...
+ Bảng ngoại tệ	...	...
- Vốn tài trợ, ủy thác nhận của Chính phủ	...	...
Tổng	...	...

9. Các khoản nợ nước ngoài

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nợ nước ngoài bằng VND	...	...
+ Tiền gửi	...	...
+ Nợ trong hạn tiền vay	...	...
+ Nợ quá hạn tiền vay	...	...
- Nợ nước ngoài bằng ngoại tệ	...	...
+ Tiền gửi của IMF	...	...
+ Tiền gửi của các tổ chức quốc tế khác	...	...
+ Tiền gửi của pháp nhân nước ngoài	...	...
+ SDR đã phân bổ	...	...
- Vốn tài trợ, nhận ủy thác của Chính phủ nước ngoài và tổ chức quốc tế	...	...
Tổng	...	...

10. Các cam kết trả nợ của NHNN

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tín phiếu NHNN	...	...
Trong đó: Tín phiếu TCTD đưa cầm cố bị phong tỏa	...	...
- Các cam kết trả nợ khác của NHNN	...	...
Tổng	...	...

11. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi không kỳ hạn	...	...
Tiền gửi khác	...	...
Nhận ký quỹ	...	...
Tổng	...	...

12. Tài sản Nợ khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Các khoản phải trả bên ngoài	...	...
- Các khoản phải trả nội bộ	...	...
- Các khoản phải trả khác	...	...
+ Lãi cộng dồn phải trả	...	...
+ Giao dịch phái sinh	...	...

Tổng chi thực hiện: ... triệu đồng.

Lý do tăng, giảm chủ yếu của từng khoản chi phát sinh kỳ này.

2.1. Chi phí lãi và các khoản tương tự

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi về nghiệp vụ tiền gửi, tiền vay tổ chức tín dụng trong nước	...	...
+ Chi trả lãi tiền gửi	...	...
+ Chi trả lãi tín phiếu NHNN phát hành	...	...
+ Chi khác	...	...
- Chi về nghiệp vụ tiền gửi, tiền vay của ngân hàng nước ngoài, tổ chức tiền tệ, ngân hàng quốc tế	...	...
+ Chi trả lãi tiền gửi	...	...
+ Chi trả lãi tiền vay	...	...
+ Chi khác	...	...
Tổng	...	...

2.2. Chi phí về nghiệp vụ mua bán giấy tờ có giá

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi về mua bán giấy tờ có giá	...	...
Chi khác	...	...
Tổng	...	...

2.3. Chi về hoạt động ngoại hối

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi về mua bán vàng	...	...
Chi về mua bán ngoại tệ	...	...
Chi khác về giao dịch ngoại hối	...	...
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	...	...
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	...	...
Tổng	...	...

2.4. Chi phí hoạt động dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi cho các hoạt động phòng, chống rửa tiền	...	...
- Chi về dịch vụ thanh toán, thông tin	...	...
- Chi hoạt động nghiệp vụ khác	...	...
Tổng	...	...

2.5. Chi phí hoạt động và các khoản chi khác

2.5.1. Chi phí in, đúc, bảo quản, bảo vệ, vận chuyển, giao nhận, phát hành, thu hồi, thay thế và tiêu hủy tiền, giấy tờ có giá

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí in, đúc tiền, giấy tờ có giá	...	...
- Chi phí tuyển chọn, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy tiền, giấy tờ có giá	...	...
Tổng	...	...

Tổng chi phí in, đúc, bảo quản, bảo vệ, vận chuyển, giao nhận, phát hành, thu hồi, thay thế và tiêu hủy tiền, giấy tờ có giá: ... triệu đồng.

2.5.2. Chi cho cán bộ, công chức và nhân viên

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi lương và phụ cấp	...	...
Chi ăn trưa	...	...
Chi trang phục giao dịch và bảo hộ lao động	...	...
Chi khen thưởng, phúc lợi	...	...
Các khoản chi để đóng góp theo lương	...	...
Chi khác	...	...
Tổng	...	...

Tổng chi cho cán bộ, công chức và nhân viên: ... triệu đồng.

2.5.3. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN)

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi về vật liệu và giấy tờ in	...	...
Chi công tác phí	...	...
Chi về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ	...	...
Chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ	...	...
Chi bưu phí và điện thoại	...	...
Chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo	...	...
Chi lễ tân, khánh tiết	...	...
Chi về điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan	...	...
Chi khác	...	...
Tổng	...	...

Tổng chi cho hoạt động quản lý và công vụ: ... triệu đồng.

2.5.4. Chi về tài sản

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	...	...
Chi bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	...	...
Chi về thanh lý tài sản	...	...
Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ	...	...
Chi đầu tư phát triển kỹ thuật nghiệp vụ và công nghệ ngân hàng	...	...
Chi thuê tài sản	...	...
Tổng	...	...

Tổng chi về tài sản: ... triệu đồng.

2.5.5. Các khoản chi hoạt động khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi về nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	...	...
Chi về nghiệp vụ góp vốn, ủy thác	...	...
Chi trích lập khoản dự phòng rủi ro	...	...
Chi về hoạt động của các đơn vị sự nghiệp	...	...
Thoái thu lãi phải thu không đúng niên độ	...	...
Các khoản chi khác	...	...

Tổng

Tổng các khoản chi hoạt động khác: ... triệu đồng.

VI. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Kỳ này	Kỳ trước
1. Tổng chênh lệch thu nhập, chi phí (không bao gồm đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN)	...	...
2. Trích lập các Quỹ và khoản dự phòng rủi ro theo quy định	...	...
3. Tổng số phải nộp NSNN	...	...
4. Số đã tạm ứng nộp NSNN	...	...
- Nộp lần 1 (ngày .../.../.....)	...	...
- Nộp lần 2 (ngày .../.../.....)	...	...
...	...	...
5. Số còn phải nộp NSNN đến ngày lập BCTC	...	...

VII. Giải thích và thuyết minh một số tình hình và kết quả hoạt động khác (nếu có)

LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Báo cáo này do Vụ Tài chính - Kế toán lập cho toàn hệ thống NHNN theo quy định tại Thông tư này.

- Số liệu trong ngoặc đơn (...) là các chỉ tiêu bằng số âm.